TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2023/DS-ST
Ngày: 14 – 9 – 2023
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Tâm;

Ông Hứa Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 422/2022/TLST-DS, ngày 28 tháng 12 năm 2022, về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2023/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 292/2023/QĐST-DS, ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T (sau đây gọi tắt Công ty); Địa chỉ: Lầu H-Tòa nhà G, Số B Đ, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đàng Thanh P, Chức vụ: Chuyên viên Pháp lý tố tụng Phòng Thu hồi nợ của Công ty, theo Giấy ủy quyền số: 220922-10-CEA, ngày 22/9/2022.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số F, ấp M, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 22/9/2022, Bản tự khai ngày 30/8/2023 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, ông Đàng Thanh P trình bày*:

Ngày 12/3/2015, Bà Nguyễn Thị H đã ký Hợp đồng cho vay bằng tiền mặt số CL001884110 với Công ty. Theo Hợp đồng, Bà H đã vay số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), để tiêu dùng. Theo đó, vào ngày 10 hàng tháng,

Bà H phải thanh toán cho Công ty 2.799.161 đồng liên tục trong 18 kỳ, trả góp bắt đầu từ ngày 10/4/2015 đến ngày 10/9/2016.

Từ khi ký Hợp đồng, bà H đã thanh toán cho Công ty F lần với tổng số tiền 17.413.000 đồng, cụ thể như sau:

- Tiền gốc đã thanh toán: 6.295.907 đồng;

- Tiền lãi trong hạn đã thanh toán: 5.466.775 đồng;

- Tiền lãi quá hạn đã thanh toán: 5.475.318 đồng;

- Tiền phí bảo hiểm đã thanh toán: 175.000 đồng.

Kể từ thời điểm xảy ra vi phạm, ngày 11/8/2015, Công ty đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu Bà H tuân thủ nghiêm túc nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng. Tuy nhiên, Bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán và còn nợ Công ty số tiền là 34.478.118 đồng, trong đó bao gồm:

-Tiền gốc chưa thanh toán: 28.704.093 đồng;

-Tiền lãi trong hạn chưa thanh toán tính đến ngày 10/02/2016 là 5.774.025 đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bà H đã có hành vi vi phạm các điều khoản được quy định tại Hợp đồng và quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Theo Mục 9.3.2 của Hợp đồng: "*Khoản Trả góp Hàng tháng phải được thanh toán đầy đủ bằng tiền VND vào ngày đến hạn theo các Mục 3 và Mục 5 của Hợp đồng này; mỗi Khoản Trả góp Hàng tháng được coi là đã trả ngay sau khi được ghi nhận hợp lệ và đầy đủ vào sổ kế toán của Bên Cho Vay"*.

Theo Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Dân sự 2015: *"Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thoả thuận"*.

Nay Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị H thanh toán một lần toàn bộ số tiền 34.478.118 đồng.

- Buộc bà H phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày Công ty có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Bà H không thanh toán số tiền nêu trên, thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Công ty không yêu cầu bà H thanh toán thêm các khoản lãi phát sinh kể từ thời điểm Tòa án xem xét thụ lý, giải quyết đến khi xét xử.

**Bị đơn bà Nguyễn Thị H đều từ chối tham gia tố tụng và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị H, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đàng Thanh P vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[2] Giữa Công ty và bà Nguyễn Thị H có thoả thuận và giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hiện nay, bà H còn nợ Công ty tổng số tiền vốn và lãi 34.478.118 đồng, đây là các tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:*"Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và phải chịu lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định*".

[4] Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật này quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay:*"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…*".

[5] Tại khoản 1 Điều 351 và Điều 357 của Bộ luật này quy định Trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ và Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: *"Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ"; "1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này;…".*

[6] Căn cứ vào các quy định nêu trên, do bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cho nên Công ty khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán vốn vay và lãi tổng cộng 34.478.118 đồng, là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại các điều 280, 351, 357, 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc bà H phải có nghĩa vụ thanh toán tổng cộng 34.478.118 đồng, trong đó vốn 28.704.093 đồng và lãi 5.774.025 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc bà H phải chịu: 34.478.118 đồng x 5% = 1.723.905 đồng.

- Công ty không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 280, 351, 357, 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 91 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T, buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tổng số tiền vốn và lãi 34.478.118 đồng, trong đó vốn 28.704.093 đồng và lãi 5.774.025 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà H phải chịu 1.723.905 đồng.

- Công ty không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 862.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006166, ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Vinh Thắng